

Bản án số: 17/2024/HNGĐ- ST

Ngày 12 tháng 4 năm 2024

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Sinh

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Tiến Sứ và ông Nguyễn Trung Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:**  
Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13/11/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn T ngày 24/12/1999. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới, bà L về làm dâu và chung sống cùng gia đình ông T được 03 năm thì gia đình cho vợ chồng làm ăn riêng. Tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà có mâu thuẫn với gia đình ông T, sau đó vợ chồng mâu thuẫn cãi chửi nhau, từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân. Gia đình hai bên có dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ nhưng không cải thiện được tình cảm. Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn

Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thảo L1, sinh ngày 02/10/2001 và Nguyễn Ngọc L2, sinh ngày 24/3/2010, hiện nay cháu L1 đã trưởng thành lấy chồng có gia đình riêng còn cháu L2 đang ở cùng vợ chồng bà, ly hôn bà L đề nghị được tiếp tục nuôi cháu L2 cho đến khi thành niên, bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Bà L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2023 ông T trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị L, có được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đăng ký kết hôn ngày 24/12/1999. Sau khi cưới bà L về làm dâu và ở chung cùng gia đình ông. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn chỉ thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Đến nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn ông xin được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thảo L1, sinh ngày 02/10/2001 và Nguyễn Ngọc L2, sinh ngày 24/3/2010, hiện nay cháu L1 đã trưởng thành lấy chồng có gia đình riêng ông không đề nghị gì, còn cháu L2 đang ở cùng vợ chồng ông, ly hôn ông nhất trí đề bà L được tiếp tục nuôi cháu L2 cho đến khi con thành niên, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Ông T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Lời khai cháu Nguyễn Thảo L1 thể hiện bố mẹ mâu thuẫn khoảng hơn 01 năm trở lại đây. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mẹ có mâu thuẫn với bố mẹ chồng và em trai chồng. Bố cháu thì không quan tâm bên vực mẹ cháu nên càng trở nên mâu thuẫn. Bố mẹ cháu hiện nay vẫn ở cùng nhau nhưng do bố cháu bận công việc, chăn nuôi nên thường xuyên ở trang trại, bố cháu hay đi uống rượu nên thường xuyên không ăn cơm ở nhà.

Lời khai cháu Nguyễn Ngọc L2 thể hiện bố mẹ mâu thuẫn từ khoảng 3 năm trở lại đây, là do bố cháu hay đi uống rượu, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù bố mẹ cháu vẫn ở cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không ăn cơm cùng nhau, bố cháu thường không ăn cơm nhà, hàng ngày bố cháu về nhà cũ chăn nuôi gà tại ngôi nhà cũ ở thôn B, xã B, huyện Lập Thạch. Nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu chỉ mong muốn được ở cùng mẹ, không yêu cầu bố phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu hàng tháng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy

định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà L được trực tiếp nuôi cháu L2, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà L; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Bà L, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với ông Nguyễn Văn T, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 13/11/2023 bà Nguyễn Thị L có đơn xin ly hôn ông Nguyễn Văn T. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn bà L và ông T có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn giữa bà L và gia đình nhà chồng sau đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, tuy ở chung nhà nhưng không ai quan tâm hỏi han gì nhau, không ăn cơm cùng nhau. Đến nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn. Ông T muốn bà L đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhiều lần ông T không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được. Xác minh tại địa phương thể hiện bà L có mâu thuẫn với gia đình nhà chồng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà L xin ly hôn là có căn cứ, ông T mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Xét đề nghị của bà L, ông T Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc L2 đang ở cùng bà L. Ly hôn bà L, ông T đề nghị

để bà L được tiếp tục nuôi cháu L2 và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu L2, do vậy cần giao cho bà L tiếp tục nuôi cháu L2, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Bà L, ông T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc L2, sinh ngày 24/3/2010, cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà L (Hiện nay cháu L2 đang ở cùng bà L). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000094 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Bà L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà L có mặt có quyền kháng cáo bản án. Ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### ***Nơi nhận:***

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Sinh**

